

Công ty Cổ phần Giống cây trồng Trung ương

Báo cáo tài chính hợp nhất

Ngày 31 tháng 12 năm 2016



Công ty Cổ phần Giống cây trồng Trung ương

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1 - 2
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	3
Báo cáo kiểm toán độc lập	4 - 5
Bảng cân đối kế toán hợp nhất	6 - 8
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	9 - 10
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	11 - 12
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất	13 - 45

NS
VI
CH
I
VA

Công ty Cổ phần Giống cây trồng Trung ương

THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Giống cây trồng Trung ương (“Công ty”) là một công ty cổ phần được chuyển đổi từ Công ty Giống cây trồng Trung ương I theo Quyết định số 5029/QĐ/BNN-TCCB ngày 10 tháng 11 năm 2003 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn và Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0103003628 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu vào ngày 6 tháng 2 năm 2004. Công ty cũng đã nhận các Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp điều chỉnh sau đó với lần điều chỉnh gần nhất là lần thứ 11 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 4 tháng 11 năm 2014.

Hoạt động chính trong năm của Công ty là trồng trọt, kinh doanh, xuất nhập khẩu trực tiếp giống cây trồng và vật tư phục vụ cây trồng; gia công, chế biến, đóng gói bảo quản giống cây trồng và vật tư phục vụ cây trồng.

Công ty có trụ sở chính tại số 1, phố Lương Định Của, phường Phương Mai, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội, Việt Nam và các đơn vị trực thuộc sau:

<i>Đơn vị trực thuộc</i>	<i>Địa chỉ</i>
Chi nhánh Công ty Cổ phần Giống cây trồng Trung ương Thanh Hóa	Huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa
Chi nhánh Công ty Cổ phần Giống cây trồng Trung ương Thái Bình	Huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình
Chi nhánh Công ty Cổ phần Giống cây trồng Trung ương miền Trung	Thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An
Xí nghiệp Giống cây trồng Trung ương Ba Vi	Huyện Ba Vì, thành phố Hà Nội
Chi nhánh Công ty Cổ phần Giống cây trồng Trung ương Hà Nam	Huyện Duy Tiên, tỉnh Hà Nam
Nhà máy chế biến giống Thường Tín	Huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội
Trung tâm nghiên cứu ứng dụng và chuyển giao công nghệ Giống cây trồng Trung ương tại Khoái Châu	Huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên
Trung tâm nghiên cứu, ứng dụng và chuyển giao công nghệ Giống cây trồng Trung ương	Huyện Ba Vì, thành phố Hà Nội
Chi nhánh Công ty Cổ phần Giống cây trồng Trung ương Tây Nguyên	Thành phố Buôn Mê Thuột, tỉnh Đắk Lắk
Chi nhánh Công ty Cổ phần Giống cây trồng Trung ương Đồng bằng sông Cửu Long	Huyện Tháp Mười, tỉnh Đồng Tháp

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Bà Trần Kim Liên	Chủ tịch
Bà Lê Thị Lệ Hằng	Phó Chủ tịch
Ông Trần Đình Long	Thành viên
Ông Nguyễn Khắc Hải	Thành viên
Ông Đỗ Bá Vọng	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Trà My	Thành viên

BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban kiểm soát trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Nguyễn Khánh Quỳnh	Trưởng Ban
Ông Đỗ Tiến Sỹ	Thành viên
Ông Nguyễn Tuấn Anh	Thành viên

Công ty Cổ phần Giống cây trồng Trung ương

THÔNG TIN CHUNG (tiếp theo)

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Bà Trần Kim Liên
Ông Phạm Ngọc Lý
Ông Nguyễn Hải Thọ
Ông Đỗ Bá Vọng

Tổng Giám đốc
Phó Tổng Giám đốc
Phó Tổng Giám đốc
Phó Tổng Giám đốc

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo này là Bà Trần Kim Liên, Chủ tịch Hội đồng Quản trị kiêm Tổng Giám đốc Công ty.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

2-C
TY
H
YC
VA
AT
OI
-1

Công ty Cổ phần Giống cây trồng Trung ương

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Giống cây trồng Trung ương ("Công ty") trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC CÔNG TY ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty và các công ty con trong năm. Trong quá trình lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty và các công ty con có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất; và
- ▶ lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Tổng Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và các công ty con và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo.

CÔNG BỐ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con vào ngày 31 tháng 12 năm 2016, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc:



Trần Kim Liên
Tổng Giám đốc

Ngày 27 tháng 3 năm 2017

Số tham chiếu: 61201380/18490703-HN

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các cổ đông của Công ty Cổ phần Giống cây trồng Trung ương

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Giống cây trồng Trung ương (“Công ty”) và các công ty con (sau đây được gọi chung là “Công ty và các công ty con”), được lập ngày 27 tháng 3 năm 2017 và được trình bày từ trang 6 đến trang 45, bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất vào ngày 31 tháng 12 năm 2016, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty và các công ty con liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty và các công ty con. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam



Trần Phú Sơn
Phó Tổng Giám đốc
Giấy CNDKHN kiểm toán số: 0637-2013-004-1



Trịnh Xuân Hòa
Kiểm toán viên
Giấy CNDKHN kiểm toán số: 0754-2013-004-1

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 27 tháng 3 năm 2017

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị tính: VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		802.640.135.667	824.451.227.708
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	5	177.548.165.322	68.677.496.884
111	1. Tiền		156.499.159.717	61.477.496.884
112	2. Các khoản tương đương tiền		21.049.005.605	7.200.000.000
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	6	1.178.270.000	2.439.993.900
121	1. Chứng khoán kinh doanh		1.178.270.000	3.944.000.000
122	2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh		-	(1.504.006.100)
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		269.943.463.267	322.675.824.354
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	7.1	196.438.173.625	280.417.301.904
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	7.2	41.690.358.184	15.443.261.834
135	3. Phải thu về cho vay ngắn hạn		200.000.000	200.000.000
136	4. Phải thu ngắn hạn khác	8	36.692.398.109	31.271.791.017
137	5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	7.1	(5.330.934.860)	(4.700.561.527)
139	6. Tài sản thiếu chờ xử lý		253.468.209	44.031.126
140	IV. Hàng tồn kho	10	344.275.927.522	421.582.083.846
141	1. Hàng tồn kho		347.520.644.620	436.293.689.579
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(3.244.717.098)	(14.711.605.733)
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		9.694.309.556	9.075.828.724
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	11	6.492.786.105	5.266.777.645
152	2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		3.177.405.967	3.540.968.136
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu nhà nước		24.117.484	268.082.943

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)
ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị tính: VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		683.890.214.289	733.237.865.999
220	I. Tài sản cố định		436.003.538.712	459.469.789.619
221	1. Tài sản cố định hữu hình	12	224.359.917.589	243.947.201.429
222	Nguyên giá		376.088.347.491	368.902.286.257
223	Giá trị hao mòn lũy kế		(151.728.429.902)	(124.955.084.828)
227	2. Tài sản cố định vô hình	13	211.643.621.123	215.522.588.190
228	Nguyên giá		228.095.541.187	227.714.541.187
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(16.451.920.064)	(12.191.952.997)
240	II. Tài sản dở dang dài hạn		14.557.490.626	14.258.332.636
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	14	14.557.490.626	14.258.332.636
250	III. Đầu tư tài chính dài hạn	15	13.333.640.000	13.333.640.000
253	1. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		13.333.640.000	13.333.640.000
260	IV. Tài sản dài hạn khác		219.995.544.951	246.176.103.744
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	11	11.784.204.532	12.339.663.924
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	31.3	4.173.898.471	3.676.249.636
269	3. Lợi thế thương mại	16	204.037.441.948	230.160.190.184
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		1.486.530.349.956	1.557.689.093.707

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)
ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị tính: VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		400.854.685.081	555.038.275.228
310	I. Nợ ngắn hạn		358.186.726.381	461.746.815.948
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	17.1	83.679.436.281	110.387.430.055
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	17.2	45.500.445.324	33.006.609.796
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	18	14.497.207.243	6.990.818.770
314	4. Phải trả người lao động		30.954.602.764	39.746.623.994
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	19	5.160.036.059	5.857.656.472
318	6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn		70.730.000	69.739.000
319	7. Phải trả ngắn hạn khác	20	38.003.779.691	19.953.032.874
320	8. Vay và nợ ngắn hạn	21	123.225.506.839	217.236.158.460
322	9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		17.094.982.180	28.498.746.527
330	II. Nợ dài hạn		42.667.958.700	93.291.459.280
337	1. Phải trả dài hạn khác		1.048.438.705	1.296.541.095
338	2. Vay và nợ dài hạn	21	7.762.735.950	57.888.237.200
341	3. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	31.3	33.856.784.045	34.106.680.985
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		1.085.675.664.875	1.002.650.818.479
410	I. Vốn chủ sở hữu	22.1	1.085.675.664.875	1.002.650.818.479
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu	22.1	152.950.000.000	152.950.000.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		152.950.000.000	152.950.000.000
411b	- Cổ phiếu ưu đãi		-	-
412	2. Thặng dư vốn cổ phần	22.1	331.245.527.850	331.245.527.850
415	3. Cổ phiếu quỹ	22.1	(40.000.000)	(20.000.000)
418	4. Quỹ đầu tư phát triển	22.1	266.787.107.432	197.714.342.649
421	5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	22.1	139.897.046.908	123.365.732.124
421a	- Lỗ lũy kế đến cuối năm trước		(11.645.545.478)	(2.655.850.566)
421b	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay		151.542.592.386	126.021.582.690
429	6. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	24	194.835.982.685	197.395.215.856
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		1.486.530.349.956	1.557.689.093.707

Người lập
Nguyễn Thị Như Quỳnh

Kế toán trưởng
Phan Thế Tý

Tổng Giám đốc
Trần Kim Liên



Ngày 27 tháng 3 năm 2017

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	25.1	1.436.841.654.222	1.363.108.587.364
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	25.1	106.058.470.882	114.485.723.976
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ [10 = 01 - 02]	25.1	1.330.783.183.340	1.248.622.863.388
11	4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	26	831.717.833.009	793.511.180.555
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ [20 = 10 - 11]		499.065.350.331	455.111.682.833
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	25.2	6.744.144.436	5.669.603.794
22	7. Chi phí tài chính	27	18.437.873.614	30.302.280.080
23	<i>Trong đó: chi phí lãi vay</i>		12.393.621.843	8.549.203.181
24	8. Phần lãi trong công ty liên doanh, liên kết		-	4.049.884.036
25	9. Chi phí bán hàng	28	125.687.363.607	123.865.568.497
26	10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	28	148.638.915.165	142.100.088.577
30	11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh [30 = 20 + 21 - 22 + 24 - 25 - 26]		213.045.342.381	168.563.233.509
31	12. Thu nhập khác	29	2.397.292.991	12.904.738.400
32	13. Chi phí khác	29	1.351.270.521	3.062.065.758
40	14. Lợi nhuận khác [40 = 31 - 32]		1.046.022.470	9.842.672.642
50	15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế [50 = 30 + 40]		214.091.364.851	178.405.906.151
51	16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	31.2	22.378.552.469	23.419.262.750

12-C
i T)
IH
YC
NA
HAI
NỘI

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
52	17. Thu nhập thuế TNDN hoãn lại	31.3	747.545.775	2.121.806.242
60	18. Lợi nhuận sau thuế TNDN [60 = 50 - 51 + 52]		192.460.358.157	157.108.449.643
61	19. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ		175.205.884.388	141.629.960.690
62	20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	24	17.254.473.769	15.478.488.953
70	21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	33	11.462	8.124
71	22. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	33	11.462	8.124

Người lập
Nguyễn Thị Như Quỳnh

Kế toán trưởng
Phan Thế Tý



Tổng Giám đốc
Trần Kim Liên

Ngày 27 tháng 3 năm 2017

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác		1.403.564.114.568	1.165.377.002.753
02	Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa, dịch vụ		(792.544.848.535)	(789.597.093.050)
03	Tiền chi trả cho người lao động		(140.823.710.858)	(112.657.216.444)
04	Tiền lãi vay đã trả		(12.197.466.595)	(8.012.447.914)
05	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	18	(18.282.522.405)	(29.763.868.532)
06	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		54.313.047.972	98.420.585.565
07	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(161.213.725.250)	(190.715.223.689)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		332.814.888.897	133.051.738.689
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định		(41.469.580.913)	(101.353.899.676)
22	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định		4.807.272	205.990.909
24	Tiền thu hồi cho vay		-	1.413.953.964
25	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác (trừ đi tiền thu về)		-	(175.794.735.198)
27	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		4.357.029.074	4.589.462.292
30	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động đầu tư		(37.107.744.567)	(270.939.227.709)
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
32	Tiền mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành		(20.000.000)	(20.000.000)
33	Tiền thu từ đi vay		261.577.620.962	470.184.970.404
34	Tiền chi trả nợ gốc vay		(405.713.773.833)	(301.445.377.308)
36	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(42.636.006.500)	(61.173.378.000)
40	Lưu chuyển tiền thuần (sử dụng vào) từ hoạt động tài chính		(186.792.159.371)	107.546.215.096

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		108.914.984.959	(30.341.273.924)
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		68.677.496.884	99.023.212.818
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		(44.316.521)	(4.442.010)
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	5	177.548.165.322	68.677.496.884



Người lập
Nguyễn Thị Như Quỳnh



Kế toán trưởng
Phan Thế Tý



Tổng Giám đốc
Trần Kim Liên

Ngày 27 tháng 3 năm 2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP

Công ty Cổ phần Giống cây trồng Trung ương (“Công ty”) là một công ty cổ phần được chuyển đổi từ Công ty Giống cây trồng Trung ương I theo Quyết định số 5029/QĐ/BNN-TCCB ngày 10 tháng 11 năm 2003 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn và Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0103003628 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu vào ngày 6 tháng 2 năm 2004. Công ty cũng đã nhận các Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp điều chỉnh sau đó với lần điều chỉnh gần nhất là lần thứ 11 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 4 tháng 11 năm 2014.

Hoạt động chính trong năm của Công ty là trồng trọt, kinh doanh, xuất nhập khẩu trực tiếp giống cây trồng và vật tư phục vụ cây trồng; gia công, chế biến, đóng gói bảo quản giống cây trồng và vật tư phục vụ cây trồng.

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của hoạt động sản xuất, kinh doanh giống cây trồng là dưới 12 tháng.

Công ty có trụ sở chính tại số 1, phố Lương Định Của, phường Phương Mai, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội, Việt Nam và các đơn vị trực thuộc sau:

<i>Đơn vị trực thuộc</i>	<i>Địa chỉ</i>
Chi nhánh Công ty Cổ phần Giống cây trồng Trung ương Thanh Hóa	Huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa
Chi nhánh Công ty Cổ phần Giống cây trồng Trung ương Thái Bình	Huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình
Chi nhánh Công ty Cổ phần Giống cây trồng Trung ương miền Trung	Thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An
Xí nghiệp Giống cây trồng Trung ương Ba Vì	Huyện Ba Vì, thành phố Hà Nội
Chi nhánh Công ty Cổ phần Giống cây trồng Trung ương Hà Nam	Huyện Duy Tiên, tỉnh Hà Nam
Nhà máy chế biến giống Thường Tín	Huyện Thường Tín,, thành phố Hà Nội
Trung tâm nghiên cứu ứng dụng và chuyển giao công nghệ Giống cây trồng Trung ương tại Khoái Châu	Huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên
Trung tâm nghiên cứu, ứng dụng và chuyển giao công nghệ Giống cây trồng Trung ương	Huyện Ba Vì, thành phố Hà Nội
Chi nhánh Công ty Cổ phần Giống cây trồng Trung ương Tây Nguyên	Thành phố Buôn Mê Thuột, tỉnh Đắk Lắk
Chi nhánh Công ty Cổ phần Giống cây trồng Trung ương Đồng bằng sông Cửu Long	Huyện Tháp Mười, tỉnh Đồng Tháp

Số lượng nhân viên của Công ty và các công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 là 668 nhân viên (ngày 31 tháng 12 năm 2015: 829 nhân viên).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

Cơ cấu tổ chức

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Công ty có 6 công ty con. Thông tin chi tiết về các công ty con và tỷ lệ lợi ích của Công ty trong các công ty con này như sau:

STT	Tên công ty	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động chính trong năm
1	Công ty Cổ phần Giống cây trồng Hà Tây	53,80%	53,80%	Phường Phú Lâm, quận Hà Đông, Hà Nội	Sản xuất, kinh doanh các loại giống cây trồng và cung cấp dịch vụ kho vận
2	Công ty Cổ phần Giống cây trồng trung ương Quảng Nam	90,02%	90,02%	Xã Điện Thắng Bắc, thị xã Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam	Cung cấp dịch vụ trồng trọt, bán buôn nông, lâm sản, nguyên vật liệu và động vật sống, chế biến nông lâm sản, mua bán vật tư phục vụ nông nghiệp
3	Công ty Cổ phần Giống cây trồng Miền Nam	61,49%	61,49%	Quận Tân Bình, thành phố Hồ Chí Minh	Nghiên cứu, sản xuất, kinh doanh, và xuất nhập khẩu giống cây trồng các loại
4	Công ty Cổ phần Giống cây trồng Nam An (*)	43%	70%	Huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An	Mua bán hạt giống, vật tư nông nghiệp, nông sản; cung cấp dịch vụ sấy, đóng gói, mua bán máy nông nghiệp; và sản xuất, chế biến lương thực thực phẩm.
5	Công ty Cổ phần Cơ khí Giống cây trồng Miền Nam (*)	51%	83,74%	Quận Tân Bình, thành phố Hồ Chí Minh	Sản xuất máy nông nghiệp, lâm nghiệp; máy chế biến thực phẩm, đồ uống; sửa chữa, bảo dưỡng và lắp đặt máy móc thiết bị.
6	Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Nông nghiệp Công nghệ cao Hà Nam (Thuyết minh số 4)	71,60%	71,60%	Huyện Lý Nhân, tỉnh Hà Nam	Sản xuất và kinh doanh các loại dưa và rau quả nông sản cao cấp phục vụ nội tiêu và xuất khẩu, nghiên cứu ứng dụng, đào tạo, chuyển giao dịch vụ kỹ thuật nông nghiệp công nghệ cao.

(*) Công ty nắm giữ các công ty con này gián tiếp qua một công ty con của Công ty là Công ty Cổ phần Giống cây trồng Miền Nam. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Công ty Cổ phần Cơ khí Giống cây trồng Miền Nam đã ngừng hoạt động và đang trong quá trình hoàn tất các thủ tục phá sản doanh nghiệp theo các quy định hiện hành.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 *Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng*

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VND") phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày kèm theo và việc sử dụng báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục, nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

2.2 *Hình thức sổ kế toán áp dụng*

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Công ty và các công ty con là Nhật ký chung.

2.3 *Kỳ kế toán năm*

Kỳ kế toán năm của Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính hợp nhất bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

2.4 *Đơn vị tiền tệ trong kế toán*

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập bằng đơn vị tiền tệ trong kế toán của Công ty là VND.

2.5 *Cơ sở hợp nhất*

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm các báo cáo tài chính của Công ty và các công ty con cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016.

Các công ty con được hợp nhất toàn bộ kể từ ngày mua, là ngày Công ty thực sự nắm quyền kiểm soát công ty con, và tiếp tục được hợp nhất cho đến ngày Công ty thực sự chấm dứt quyền kiểm soát đối với công ty con.

Các báo cáo tài chính của Công ty và các công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một kỳ kế toán, và được áp dụng các chính sách kế toán một cách thống nhất.

Số dư các tài khoản trên bảng cân đối kế toán giữa công ty mẹ và các công ty con, các khoản thu nhập và chi phí, các khoản lãi hoặc lỗ nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này được loại trừ hoàn toàn.

118
CÔNG
TY
ST &
IẾT
H N
HÀ
KIẾN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY (tiếp theo)

2.5 Cơ sở hợp nhất (tiếp theo)

Lợi ích của các cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích trong lãi, hoặc lỗ, và trong tài sản thuần của các công ty con không được nắm giữ bởi Công ty và được trình bày riêng biệt trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và được trình bày riêng biệt với phần vốn chủ sở hữu của các cổ đông của công ty mẹ trong phần vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Ảnh hưởng do các thay đổi trong tỷ lệ sở hữu công ty con mà không làm thay đổi quyền kiểm soát được hạch toán vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 Thay đổi trong các chính sách kế toán và thuyết minh

Các chính sách kế toán của Công ty và các công ty con sử dụng để lập báo cáo tài hợp nhất được áp dụng nhất quán với các chính sách đã được sử dụng để lập báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015.

3.2 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

3.3 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Công ty và các công ty con áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định như sau:

- | | | |
|----------------------------------------------------|---|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| Nguyên vật liệu và hàng hóa | - | chi phí mua theo phương pháp bình quân gia quyền. |
| Thành phẩm và chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang | - | giá vốn nguyên vật liệu và lao động trực tiếp cộng chi phí sản xuất chung có liên quan được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường theo phương pháp bình quân gia quyền. |

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với nguyên vật liệu, thành phẩm, hàng hóa tồn kho thuộc quyền sở hữu của Công ty và các công ty con dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

12-
 T
 H
 Y
 C
 NA
 TÁI
 VỐ
 1-1

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.4 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty và các công ty con dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.5 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.6 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu trừ lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất bao gồm quyền sử dụng đất lâu dài được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và được ghi nhận là tài sản cố định vô hình theo quy định của Thông tư số 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành vào ngày 25 tháng 4 năm 2013 hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định ("Thông tư 45").

Bản quyền

Bản quyền các loại giống ngô và lúa được ghi nhận theo giá mua đối với các loại giống không do Công ty tự nghiên cứu và phát triển. Bản quyền được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian ngắn hơn giữa thời gian sử dụng hữu ích ước tính và thời gian mua bản quyền.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.7 Khấu hao và hao mòn

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc	10 - 25 năm
Thiết bị, dụng cụ quản lý	5 - 6 năm
Phương tiện vận tải	6 - 10 năm
Máy móc và thiết bị	5 - 7 năm
Phần mềm máy tính	5 năm
Bản quyền	2 - 5 năm
Quyền sử dụng đất có thời hạn	10 - 49 năm

Quyền sử dụng đất lâu dài không trích khấu hao.

3.8 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty và các công ty con.

Chi phí đi vay được hạch toán như chi phí phát sinh trong năm ngoại trừ các khoản được vốn hóa như theo nội dung của đoạn tiếp theo.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua sắm, xây dựng hoặc hình thành một tài sản cụ thể cần có một thời gian đủ dài để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc để bán được vốn hóa vào nguyên giá của tài sản đó.

3.9 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

3.10 Hợp nhất kinh doanh và lợi thế thương mại

Hợp nhất kinh doanh được hạch toán theo phương pháp giá mua. Giá phí hợp nhất kinh doanh bao gồm giá trị hợp lý tại ngày diễn ra trao đổi của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận và các công cụ vốn do bên mua phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh. Tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và những khoản nợ tiềm tàng phải gánh chịu trong hợp nhất kinh doanh của bên bị mua đều ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày hợp nhất kinh doanh.

Lợi thế thương mại phát sinh từ hợp nhất kinh doanh được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, là phần chênh lệch giữa giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần sở hữu của bên mua trong giá trị hợp lý của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận. Nếu giá phí hợp nhất kinh doanh thấp hơn giá trị hợp lý của tài sản thuần của bên bị mua, phần chênh lệch đó sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Sau ghi nhận ban đầu, lợi thế thương mại được xác định giá trị bằng nguyên giá trừ đi giá trị phân bổ lũy kế. Lợi thế thương mại được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu ích được ước tính là mười (10) năm.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.11 Các khoản đầu tư

Chứng khoán kinh doanh và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Chứng khoán kinh doanh và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được ghi nhận theo giá gốc

Dự phòng giảm giá trị các khoản chứng khoán kinh doanh và các khoản đầu tư góp vốn

Dự phòng được lập cho việc giảm giá trị của các khoản chứng khoán kinh doanh và các khoản đầu tư khác vào ngày kết thúc kỳ kế toán theo hướng dẫn của Thông tư số 228/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 7 tháng 12 năm 2009 (“Thông tư 228”) và Thông tư số 89/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 28 tháng 6 năm 2013 sửa đổi, bổ sung Thông tư 228. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc. Sau khi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Các khoản suy giảm giá trị của khoản đầu tư nếu phát sinh được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

3.12 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty và các công ty con đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

3.13 Trợ cấp thôi việc phải trả

Trợ cấp thôi việc cho công nhân viên được trích trước vào cuối mỗi kỳ báo cáo cho toàn bộ người lao động đã làm việc tại công ty được hơn 12 tháng cho đến ngày lập bảng cân đối kế toán theo tỷ lệ bằng một nửa mức lương bình quân tháng cho mỗi năm làm việc tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 theo luật Lao động và các văn bản hướng dẫn có liên quan. Mức lương bình quân tháng để tính trợ cấp thôi việc sẽ được điều chỉnh vào cuối mỗi niên độ báo cáo theo mức lương bình quân của sáu tháng gần nhất tính đến thời điểm lập báo cáo. Tăng hoặc giảm trong khoản trích trước này ngoại trừ phần thanh toán thực tế cho người lao động sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất.

Khoản trợ cấp thôi việc trích trước này được sử dụng để trả trợ cấp thôi việc cho người lao động khi chấm dứt hợp đồng lao động theo Điều 48 của Bộ luật Lao động.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.14 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty và các công ty con (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- ▶ Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty và các công ty con chỉ định khách hàng thanh toán;
- ▶ Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty và các công ty con dự kiến giao dịch;
- ▶ Giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả) được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty và các công ty con thực hiện thanh toán.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán theo nguyên tắc sau:

- ▶ Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty và các công ty con thường xuyên có giao dịch; và
- ▶ Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty và các công ty con thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.15 Cổ phiếu quỹ

Các công cụ vốn chủ sở hữu được Công ty mua lại (cổ phiếu quỹ) được ghi nhận theo nguyên giá và trừ vào vốn chủ sở hữu. Công ty không ghi nhận các khoản lãi/(lỗ) khi mua, bán, phát hành hoặc hủy các công cụ vốn chủ sở hữu của mình.

3.16 Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp (không bao gồm các khoản lãi từ giao dịch mua giá rẻ) có thể được chia cho các nhà đầu tư/cổ đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Công ty và các công ty con và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty và các công ty con trích lập các quỹ dự phòng sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty và các công ty con theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên.

Quỹ đầu tư và phát triển

Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty và các công ty con.

Quỹ khen thưởng và phúc lợi

Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên, và được trình bày như một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.17 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty và các công ty con có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với thời điểm chuyển giao hàng hóa.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi dịch vụ được thực hiện và hoàn thành.

Cổ tức

Doanh thu được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Công ty và các công ty con được xác lập.

Tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

3.18 Thuế

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi từ hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty và các công ty con chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải trả khi Công ty và các công ty con có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và doanh nghiệp dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.18 Thuế (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

- ▶ Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập hoặc lỗ tính thuế tại thời điểm phát sinh giao dịch;
- ▶ Các chênh lệch tạm thời chịu thuế gắn liền với các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh khi Công ty và các công ty con có khả năng kiểm soát thời gian hoàn nhập khoản chênh lệch tạm thời và chắc chắn khoản chênh lệch tạm thời sẽ không được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ:

- ▶ Tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch;
- ▶ Đối với các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con và chi nhánh, tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận khi chắc chắn là chênh lệch tạm thời sẽ được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận chịu thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ kế toán năm khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty và các công ty con chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Công ty và các công ty con có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:

- ▶ đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
- ▶ Công ty và các công ty con dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

4. THÀNH LẬP CÔNG TY CON MỚI

4.1 Thành lập Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Nông nghiệp Công nghệ cao Hà Nam

Theo Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 39/NQ-HĐQT-CTG ngày 23 tháng 9 năm 2016, Hội đồng Quản trị của Công ty đã chấp thuận việc thành lập Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Nông nghiệp Công nghệ cao Hà Nam với tổng vốn điều lệ được đăng ký là 50 tỷ đồng. Công ty sẽ là một cổ đông sáng lập và góp 71.6% vốn vào công ty này.

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Nông nghiệp Công nghệ cao Hà Nam được thành lập theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0700778275 do Ủy ban Nhân dân tỉnh Hà Nam cấp ngày 4 tháng 10 năm 2016 với ngành nghề kinh doanh chính là sản xuất, kinh doanh các loại dưa và rau quả nông sản cao cấp phục vụ nội tiêu và xuất khẩu theo mô hình sản xuất nông nghiệp công nghệ cao. Kể từ thời điểm được thành lập đến ngày 31 tháng 12 năm 2016, Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Nông nghiệp Công nghệ cao Hà Nam chưa thực hiện các hoạt động kinh doanh chính như nêu trên.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, số vốn thực góp và số vốn còn phải góp của Công ty vào công ty này với số tiền tương ứng lần lượt là 17.791.926.400 đồng và 18.008.073.600 đồng.

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	Đơn vị tính: VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	10.381.161.036	5.500.036.955
Tiền gửi ngân hàng	146.117.998.681	55.977.459.929
Các khoản tương đương tiền (*)	21.049.005.605	7.200.000.000
TỔNG CỘNG	177.548.165.322	68.677.496.884

(*) Các khoản tương đương tiền tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 bao gồm các khoản tiền gửi tại ngân hàng có kỳ hạn dưới ba tháng và hưởng lãi suất 5,2%/năm (ngày 31 tháng 12 năm 2015: lãi suất từ 4% đến 5,5%/năm).

6. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

	Đơn vị tính: VND					
	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý
Chứng khoán kinh doanh:						
- Cổ phiếu Công ty Cổ phần Cây Rau Quả	1.178.270.000	-	1.226.856.400	3.944.000.000	(1.504.006.100)	2.439.993.900
	<u>1.178.270.000</u>	<u>-</u>	<u>1.226.856.400</u>	<u>3.944.000.000</u>	<u>(1.504.006.100)</u>	<u>2.439.993.900</u>
TỔNG CỘNG	1.178.270.000	-	1.226.856.400	3.944.000.000	(1.504.006.100)	2.439.993.900

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

7. PHẢI THU KHÁCH HÀNG VÀ TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

7.1 Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	Đơn vị tính: VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Cục Trồng trọt – Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	46.208.800.000	97.182.275.000
Công ty Cổ phần Giống cây trồng Điện Biên	9.808.800.000	-
Phải thu từ khách hàng khác	140.291.821.125	183.235.026.904
Phải thu từ bên liên quan (Thuyết minh số 32)	128.752.500	-
TỔNG CỘNG	196.438.173.625	280.417.301.904
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(5.330.934.860)	(4.700.561.527)

7.2 Trả trước cho người bán ngắn hạn

	Đơn vị tính: VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Trả trước cho các nhà thầu xây dựng và người bán	8.898.960.000	236.984.000
<i>Công ty Cổ phần An Phú Hưng</i>	3.500.000.000	-
<i>Công ty Cổ phần Performance Motors Việt Nam</i>	3.313.000.000	-
<i>Trả trước cho nhà thầu xây dựng khác</i>	2.085.960.000	236.984.000
Trả trước cho nhà cung cấp khác	32.791.398.184	15.206.277.834
<i>Trần Văn Thuận</i>	899.568.672	1.879.051.634
<i>Hợp tác xã Mỹ Đức</i>	-	1.270.242.902
<i>Trả trước cho các nhà cung cấp khác</i>	31.891.829.512	12.056.983.298
TỔNG CỘNG	41.690.358.184	15.443.261.834

8. PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	Đơn vị tính: VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Đầu tư vào cổ phiếu (*)	12.715.380.000	12.715.380.000
Tạm ứng chi phí hoạt động cho nhân viên	10.767.567.911	4.718.822.869
Ký cược, ký quỹ	1.135.018.230	2.857.552.000
Phải thu dự án	3.623.894.139	2.808.788.509
Chi phí kiểm định chất lượng phải thu Cục Trồng trọt	-	1.994.579.502
Phải thu khác	8.450.537.829	6.176.668.137
TỔNG CỘNG	36.692.398.109	31.271.791.017

(*) Đây là số tiền đã được chi trả để đầu tư vào cổ phiếu của một doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực trồng trọt và kinh doanh các sản phẩm giống cây trồng, tuy nhiên công ty chưa hoàn tất các thủ tục pháp lý liên quan đến việc mua cổ phần tại doanh nghiệp này tại ngày 31 tháng 12 năm 2016.

9. NỢ XẤU

Đối tượng nợ	Đơn vị tính: VND			
	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Công ty Thương Mại Dịch vụ Đăk Nông	654.711.000	-	654.711.000	-
Khách hàng khác	4.676.223.860	-	4.045.850.527	-
sTỔNG CỘNG	5.330.934.860	-	4.700.561.527	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

10. HÀNG TỒN KHO

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Thành phẩm	242.966.628.124	(2.717.657.429)	323.479.478.147	(4.505.144.828)
Hàng hóa	40.099.416.907	-	60.590.564.549	(7.254.664.065)
Nguyên liệu, vật liệu tồn kho	49.840.723.705	(527.059.669)	36.161.512.204	(2.951.796.840)
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	12.834.112.354	-	14.281.370.859	-
Công cụ, dụng cụ	1.779.763.530	-	1.778.766.386	-
Hàng mua đang đi trên đường	-	-	1.172.195	-
Hàng gửi đi bán	-	-	825.239	-
TỔNG CỘNG	347.520.644.620	(3.244.717.098)	436.293.689.579	(14.711.605.733)

Chi tiết tình hình tăng, giảm dự phòng giảm giá hàng tồn kho:

Đơn vị tính: VND

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	14.711.605.733	3.671.367.977
Tăng do hợp nhất kinh doanh	-	3.980.479.886
Dự phòng trích lập trong năm (*)	4.569.531.935	14.229.155.339
Sử dụng và hoàn nhập dự phòng trong năm	(16.036.420.570)	(7.169.397.469)
Số cuối năm	3.244.717.098	14.711.605.733

(*) Trong năm, Công ty và các công ty con đã trích lập bổ sung dự phòng giảm giá hàng tồn kho cho một số chủng loại giống ngô và lúa không đạt tiêu chuẩn chất lượng quy định.

11. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngắn hạn	397.655.618	623.704.875
Chi phí sửa chữa, cải tạo	5.595.844.877	4.605.028.663
Công cụ, dụng cụ	499.285.610	38.044.107
Khác	6.492.786.105	5.266.777.645
TỔNG CỘNG		
Dài hạn	4.333.704.571	6.110.345.871
Chi phí nghiên cứu giống	3.538.866.251	2.339.920.649
Chi phí sửa chữa, cải tạo	-	1.017.114.294
Tiền thuê đất	1.132.840.276	479.073.416
Công cụ, dụng cụ	2.778.793.434	2.393.209.694
Khác	11.784.204.532	12.339.663.924
TỔNG CỘNG		

Công ty Cổ phần Giống cây trồng Trung ương

B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

12. TÀI SẢN CỔ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Tổng cộng
Nguyên giá:						
Số đầu năm	215.515.457.702	113.732.996.096	35.485.666.402	4.008.166.057	160.000.000	368.902.286.257
Mua trong năm	648.996.750	1.241.530.000	1.702.538.747	705.173.800	-	4.298.239.297
Đầu tư XDCB hoàn thành	4.134.168.684	-	-	(135.104.500)	-	4.134.168.684
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(1.111.242.247)			(1.246.346.747)
Số cuối năm	220.298.623.136	114.974.526.096	36.076.962.902	4.578.235.357	160.000.000	376.088.347.491
Trong đó:						
Đã khấu hao hết	30.358.166.509	20.285.411.180	8.559.789.054	1.100.518.792	160.000.000	60.463.885.535
Giá trị khấu hao lũy kế:						
Số đầu năm	62.385.683.615	40.187.157.256	20.230.453.953	1.991.790.004	160.000.000	124.955.084.828
Khấu hao trong năm	12.169.715.739	12.399.691.189	2.501.375.964	734.236.734	-	27.805.019.626
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(1.002.561.568)	(29.112.984)	-	(1.031.674.552)
Số cuối năm	74.555.399.354	52.586.848.445	21.729.268.349	2.696.913.754	160.000.000	151.728.429.902
Giá trị còn lại:						
Số đầu năm	153.129.774.087	73.545.838.840	15.255.212.449	2.016.376.053	-	243.947.201.429
Số cuối năm	145.743.223.782	62.387.677.651	14.347.694.553	1.881.321.603	-	224.359.917.589

Công ty đã sử dụng toàn bộ nhà cửa, vật kiến trúc và máy móc thiết bị thuộc nhà máy chế biến và bảo quản giống cây trồng và nhà máy gao tại thị trấn Đồng Văn, huyện Duy Tiên, tỉnh Hà Nam làm tài sản thế chấp cho các khoản vay dài hạn như được trình bày tại Thuyết minh số 21.2.

Công ty Cổ phần Giống cây trồng Trung ương

B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

13. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VỐ HÌNH

	Quyền sử dụng đất lâu dài	Quyền sử dụng đất có thời hạn	Phần mềm máy tính	Bản quyền	Tổng cộng
Nguyên giá:					
Số đầu năm	156.014.620.089	58.502.682.274	1.435.638.824	11.761.600.000	227.714.541.187
Mua mới trong năm	-	-	501.000.000	-	501.000.000
Giảm khác	-	(120.000.000)	-	-	(120.000.000)
Số cuối năm	156.014.620.089	58.382.682.274	1.936.638.824	11.761.600.000	228.095.541.187
Trong đó:					
Đã hao mòn hết	-	-	213.863.824	2.600.000.000	2.813.863.824
Giá trị hao mòn lũy kế:					
Số đầu năm	-	5.430.473.048	379.421.612	6.382.058.337	12.191.952.997
Hao mòn trong năm	-	2.331.129.553	291.525.004	1.757.312.510	4.379.967.067
Giảm khác	-	(120.000.000)	-	-	(120.000.000)
Số cuối năm	-	7.641.602.601	670.946.616	8.139.370.847	16.451.920.064
Giá trị còn lại:					
Số đầu năm	156.014.620.089	53.072.209.226	1.056.217.212	5.379.541.663	215.522.588.190
Số cuối năm	156.014.620.089	50.741.079.673	1.265.692.208	3.622.229.153	211.643.621.123

Đơn vị tính: VND

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

14. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	Đơn vị tính: VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Dự án Củ Chi	11.103.862.672	11.103.862.672
Dự án Phương Mai - Nhà cao tầng	2.113.446.664	2.113.446.664
Dự án Sơn La	800.000.000	800.000.000
Công trình khác	540.181.290	241.023.300
TỔNG CỘNG	14.557.490.626	14.258.332.636

15. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	Đơn vị tính: VND					
	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Giá gốc (VND)	Dự phòng	Giá trị hợp lý (VND)	Giá gốc (VND)	Dự phòng	Giá trị hợp lý (VND)
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác						
- Công ty Cổ phần Giồng cây trồng Thái Bình (*)	13.333.640.000	-	-	13.333.640.000	-	-
TỔNG CỘNG	13.333.640.000	-	-	13.333.640.000	-	-

(*) Công ty không thể thu thập các thông tin cần thiết và thực hiện đánh giá giá trị hợp lý của cổ phiếu nắm giữ tại công ty này do cổ phiếu của công ty này chưa được niêm yết trên sàn chứng khoán.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Công ty sở hữu 10,03% cổ phần trong Công ty Cổ phần Giồng cây trồng Thái Bình.

16. LỢI THẾ THƯƠNG MẠI

	Đơn vị tính: VND			
	Lợi thế thương mại từ hợp nhất Công ty Cổ phần Giồng cây trồng Hà Tây	Lợi thế thương mại từ hợp nhất Công ty Cổ phần Giồng cây trồng Trung ương Quảng Nam	Lợi thế thương mại từ hợp nhất Công ty Cổ phần giồng cây trồng Miền Nam và các công ty con của công ty này	Tổng cộng
Nguyên giá:				
Số đầu năm	26.557.087.281	1.911.006.045	232.759.389.035	261.227.482.361
Số cuối năm	26.557.087.281	1.911.006.045	232.759.389.035	261.227.482.361
Phân bổ lũy kế:				
Số đầu năm	13.278.543.641	331.794.358	17.456.954.178	31.067.292.177
- Phân bổ trong năm	2.655.708.728	191.100.605	23.275.938.903	26.122.748.236
Số cuối năm	15.934.252.369	522.894.963	40.732.893.081	57.190.040.413
Giá trị còn lại:				
Số đầu năm	13.278.543.640	1.579.211.687	215.302.434.857	230.160.190.184
Số cuối năm	10.622.834.912	1.388.111.082	192.026.495.954	204.037.441.948

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

17. PHẢI TRẢ CHO NGƯỜI BÁN VÀ NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

17.1 Phải trả người bán ngắn hạn

	Đơn vị tính: VND			
	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Phải trả nhà thầu xây dựng	1.843.768.207	1.843.768.207	12.533.337.529	12.533.337.529
Phải trả cho người bán	81.835.668.074	81.835.668.074	97.854.092.526	97.854.092.526
- Công ty TNHH Giồng cây trồng Vạn Xuyên - Trung Quốc	27.306.662.831	27.306.662.831	41.701.362.241	41.701.362.241
- Công ty TNHH Sichuan Longping High-tech	4.867.181.892	4.867.181.892	8.864.583.300	8.864.583.300
- Công ty TNHH Sichuan Nongda High-tech	2.274.610.950	2.274.610.950	4.676.225.297	4.676.225.297
- Công ty Giống cây trồng Thịnh Du - Trung Quốc	-	-	10.652.610.112	10.652.610.112
- Công ty TNHH MTV Duyên Hải - Xí nghiệp 19	-	-	9.543.663.000	10.000.973.000
- Phải trả đối tượng khác	47.387.212.401	47.387.212.401	22.415.648.576	21.958.338.576
TỔNG CỘNG	83.679.436.281	83.679.436.281	110.387.430.055	110.387.430.055

17.2 Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	Đơn vị tính: VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty Cổ phần Giồng cây trồng Nghệ An	5.000.000.000	-
Người mua trả tiền trước khác	40.500.445.324	33.006.609.796
TỔNG CỘNG	45.500.445.324	33.006.609.796

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

18. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

Đơn vị tính: VND

	Số đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	Số cuối năm
Thuế giá trị gia tăng	789.659.575	708.198.172	(1.023.632.251)	474.225.496
Thuế thu nhập doanh nghiệp	4.439.373.131	22.689.846.085	(18.282.522.405)	8.846.696.811
Thuế thu nhập cá nhân	1.711.786.064	14.574.182.915	(11.554.915.202)	4.731.053.777
Thuế khác	50.000.000	1.712.406.529	(1.317.175.370)	445.231.159
TỔNG CỘNG	6.990.818.770	39.684.633.701	(32.178.245.228)	14.497.207.243

19. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí vận chuyển	-	1.180.569.352
Chiết khấu thanh toán	209.420.848	692.136.586
Chi phí lãi vay phải trả	755.712.054	467.416.705
Chi phí mua bản quyền	2.636.090.229	-
Chi phí phải trả khác	1.558.812.928	3.517.533.829
TỔNG CỘNG	5.160.036.059	5.857.656.472

20. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm	Số đầu năm
Cổ tức phải trả	24.914.945.310	1.610.575.710
Dự phòng trợ cấp thôi việc	3.132.871.290	3.377.373.685
Chi phí đền bù đất phải trả - Dự án Đồng Văn	2.847.000.000	2.847.000.000
Tạm ứng từ Quỹ VBCF	1.416.604.000	1.416.604.000
Kinh phí hỗ trợ mua giống gốc để sản xuất lúa lai	984.550.275	984.550.275
Phải trả cho đơn vị khoán sản xuất	995.207.262	992.877.512
Bảo hiểm xã hội, y tế, thất nghiệp	513.215.325	264.542.874
Thù lao Hội đồng Quản trị	272.164.610	470.421.656
Kinh phí công đoàn	103.207.795	257.250.068
Chi phí phải trả - Các dự án lúa	43.074.900	2.748.814.790
Các khoản phải trả, phải nộp khác	2.780.938.924	4.983.022.304
TỔNG CỘNG	38.003.779.691	19.953.032.874

Trong đó:

- Phải trả ngắn hạn khác bên liên quan (Thuyết minh số 32)	17.193.969.000	-
- Phải trả ngắn hạn đối tượng khác	20.809.810.691	19.953.032.874

Công ty Cổ phần Giống cây trồng Trung ương

B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

21. VAY VÀ NỢ

	Số đầu năm		Trong năm		Số cuối năm		Đơn vị tính: VND
	Số có khả năng trả nợ		Số có khả năng trả nợ		Số có khả năng trả nợ		
	Giá trị		Tăng	Giảm	Giá trị		
Vay ngắn hạn	217.236.158.460	217.236.158.460	311.703.122.212	(405.713.773.833)	123.225.506.839	123.225.506.839	
Vay ngân hàng ngắn hạn	215.745.103.710	215.745.103.710	252.033.957.962	(379.872.441.708)	87.906.619.964	87.906.619.964	
Vay ngân hàng dài hạn	1.491.054.750	1.491.054.750	59.669.164.250	(25.841.332.125)	35.318.886.875	35.318.886.875	
đến hạn trả							
Vay dài hạn	57.888.237.200	57.888.237.200	9.543.663.000	(59.669.164.250)	7.762.735.950	7.762.735.950	
Vay ngân hàng dài hạn	57.888.237.200	57.888.237.200	9.543.663.000	(59.669.164.250)	7.762.735.950	7.762.735.950	
TỔNG CỘNG	275.124.395.660	275.124.395.660	321.246.785.212	(465.382.938.083)	130.988.242.789	130.988.242.789	

Công ty Cổ phần Giống cây trồng Trung ương

B09-DN/HIN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

21. VAY VÀ NỢ (tiếp theo)			
21.1 Các khoản vay ngân hàng ngắn hạn	Chi tiết các khoản vay ngắn hạn từ ngân hàng được trình bày như sau:	Số cuối năm (VND)	Hình thức đảm bảo
Tên ngân hàng	Kỳ hạn trả gốc và lãi		
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Hoàng Mai	Hạn mức tín dụng là 150 tỷ đồng. Thời hạn cho vay theo từng giấy nhận nợ nhưng tối đa không quá 6 tháng. Lãi trả vào ngày 25 hàng tháng.	10.929.060.000	Không
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Thăng Long	Hợp đồng vay có hiệu lực đến hết ngày 30 tháng 4 năm 2017.	66.672.791.100	Không
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Bắc Sài Gòn	Hạn mức tín dụng là 200 tỷ đồng. Thời hạn cho vay theo từng giấy nhận nợ nhưng tối đa không quá 10 tháng. Lãi trả vào ngày 26 hàng tháng.	6.472.543.764	Không
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Kỳ Đồng	Hợp đồng vay có hiệu lực đến hết ngày 10 tháng 5 năm 2017.	3.832.225.100	Không
TỔNG CỘNG		87.906.619.964	

Công ty Cổ phần Giống cây trồng Trung ương

B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

21. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

21.2 Các khoản vay ngân hàng dài hạn

Chi tiết các khoản vay dài hạn từ ngân hàng được trình bày như sau:

Tên ngân hàng	Ngày 31 tháng 12 năm 2016 (VND)	Kỳ hạn trả gốc và lãi	Hình thức đảm bảo
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Hoàng Mai	38.762.735.950	Hạn mức tín dụng là 77 tỷ đồng. Gốc vay thanh toán sau 24 tháng từ ngày giải ngân đầu tiên vào ngày 14 tháng 2 năm 2015 và theo phụ lục hợp đồng được lập sau thời gian ân hạn.	Toàn bộ tài sản được hình thành của Dự án đầu tư xây dựng nhà máy chế biến và bảo quản giống cây trồng, nhà máy gạo tại Thị trấn Đồng Văn, huyện Duy Tiên, tỉnh Hà Nam.
Ngân hàng TNHH MTV Shinhan – Chi nhánh Hà Nội	4.318.886.875	Thời hạn cho vay là 36 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Lãi thanh toán vào ngày 25 hàng tháng. Hạn mức tín dụng là 72 tỷ đồng.	Thế chấp bằng tài sản hình thành từ vốn vay cho Dự án Đầu tư xây dựng nhà máy chế biến và bảo quản giống cây trồng và nhà máy gạo tại Thị trấn Đồng Văn, huyện Duy Tiên, tỉnh Hà Nam.

TỔNG CỘNG

43.081.622.825

Trong đó:

- Vay dài hạn đến hạn trả 35.318.886.875
- Vay dài hạn 7.762.735.950

Công ty Cổ phần Giống cây trồng Trung ương

B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

22. VỐN CHỦ SỞ HỮU

22.1 Tình hình tăng/(giảm) nguồn vốn chủ sở hữu

	Vốn góp	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư và phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Đơn vị tính: VND
Năm trước						
Số dư đầu năm (Trình bày lại)	152.950.000.000	331.245.527.850	-	140.933.342.530	119.816.800.045	744.945.670.425
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	141.629.960.690	141.629.960.690
Trích lập quỹ	-	-	-	61.493.507.231	(61.493.507.231)	-
Trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	-	(14.572.295.863)	(14.572.295.863)
Mua lại cổ phiếu quỹ	-	-	(20.000.000)	-	-	(20.000.000)
Chia cổ tức từ lợi nhuận năm 2014	-	-	-	-	(45.885.000.000)	(45.885.000.000)
Tạm chia cổ tức từ lợi nhuận năm 2015	-	-	-	-	(15.288.378.000)	(15.288.378.000)
Thù lao Hội đồng Quản trị và Ban kiểm soát	-	-	-	-	(680.812.500)	(680.812.500)
Sử dụng các quỹ	-	-	-	(4.712.507.112)	-	(4.712.507.112)
Tăng do thay đổi tỷ lệ sở hữu trong công ty con	-	-	-	-	130.560.075	130.560.075
Giảm khác	-	-	-	-	(291.595.092)	(291.595.092)
Số dư cuối năm	152.950.000.000	331.245.527.850	(20.000.000)	197.714.342.649	123.365.732.124	805.255.602.623

Công ty Cổ phần Giống cây trồng Trung ương

B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

22. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

22.1 Tính hình tăng/(giảm) nguồn vốn chủ sở hữu (tiếp theo)

	Vốn góp	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư và phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Đơn vị tính: VND
Năm nay						
Số dư đầu năm	152.950.000.000	331.245.527.850	(20.000.000)	197.714.342.649	123.365.732.124	805.255.602.623
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	175.205.884.388	175.205.884.388
Mua lại cổ phiếu quỹ	-	-	(20.000.000)	-	-	(20.000.000)
Trích lập quỹ (*)	-	-	-	86.300.576.516	(86.300.576.516)	-
Trích lập quỹ khen thưởng và phúc lợi (*)	-	-	-	-	(17.385.511.472)	(17.385.511.472)
Chia cổ tức từ lợi nhuận năm 2015 (*)	-	-	-	-	(30.567.056.000)	(30.567.056.000)
Tạm chia cổ tức từ lợi nhuận 2016 (**)	-	-	-	-	(22.925.292.000)	(22.925.292.000)
Thù lao Hội đồng Quản trị và Ban kiểm soát	-	-	-	-	(1.184.840.000)	(1.184.840.000)
Sử dụng các quỹ (***)	-	-	-	(17.227.811.733)	-	(17.227.811.733)
Giảm khác	-	-	-	-	(311.293.616)	(311.293.616)
Số dư cuối năm	152.950.000.000	331.245.527.850	(40.000.000)	266.787.107.432	139.897.046.908	890.839.682.190

(*) Việc trích lập các quỹ và chia cổ tức từ lợi nhuận năm 2015 được thực hiện theo Nghị quyết số 19/NQ-ĐHCĐ2016 của Đại hội Cổ đông thường niên của Công ty mẹ ngày 15 tháng 4 năm 2016; Nghị quyết số 11/NQ-HĐQT ngày 4 tháng 10 năm 2016 của Công ty Cổ phần Giống cây trồng Miền Nam; Nghị quyết số 10/NQ-HĐQT ngày 16 tháng 6 năm 2016 của Công ty cổ phần Giống cây trồng Hà Tây và Nghị quyết số 08/NQ-HĐQT ngày 2 tháng 3 năm 2016 của Công ty Cổ phần Giống cây trồng trung ương Quảng Nam.

(**) Công ty đã tạm chia cổ tức từ lợi nhuận năm 2016 theo Quyết định số 51/NQ-HĐQT-CTG của Hội đồng Quản trị Công ty ngày 21 tháng 12 năm 2016.

(***) Công ty và công ty con đã sử dụng một phần quỹ đầu tư phát triển để phục vụ cho hoạt động nghiên cứu và sản xuất thử nghiệm của Công ty.

15/11/2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

22. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

22.2 Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Tổng số	Cổ phiếu thường	Cổ phiếu ưu đãi	Tổng số	Cổ phiếu thường	Cổ phiếu ưu đãi
Vốn góp	152.950.000.000	152.950.000.000	-	152.950.000.000	152.950.000.000	-
Vốn góp của Công ty Cổ phần PAN FARM	114.712.500.000	114.712.500.000	-	-	-	-
Vốn góp của Công ty Cổ phần Tập đoàn PAN	-	-	-	114.712.500.000	114.712.500.000	-
Vốn góp của đối tượng khác	38.237.500.000	38.237.500.000	-	38.237.500.000	38.237.500.000	-
Thặng dư vốn cổ phần	331.245.527.850	331.245.527.850	-	331.245.527.850	331.245.527.850	-
TỔNG CỘNG	484.195.527.850	484.195.527.850	-	484.195.527.850	484.195.527.850	-

Tại ngày 25 tháng 10 năm 2016, Công ty Cổ phần Tập đoàn PAN đã chuyển nhượng toàn bộ cổ phiếu đang nắm giữ của Công ty cho Công ty Cổ phần PAN FARM và theo đó, Công ty Cổ phần PAN FARM đã chính thức trở thành công ty mẹ của Công ty kể từ ngày này.

22.3 Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, lợi nhuận

Đơn vị tính: VND

	Năm nay	Năm trước
Vốn đã góp		
Số đầu năm	152.950.000.000	152.950.000.000
Tăng trong năm	-	-
Số cuối năm	152.950.000.000	152.950.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã công bố	53.492.348.000	61.173.378.000
Cổ tức cho năm 2016 (tạm chia): 1.500 đồng/cổ phiếu	22.925.292.000	-
Cổ tức cho năm 2015, đợt 2: 2.000 đồng/cổ phiếu	30.567.056.000	-
Cổ tức cho năm 2015, đợt 1 (tạm chia): 1.000 đồng/cổ phiếu	-	15.288.378.000
Cổ tức cho năm 2014: 3.000 đồng/cổ phiếu	-	45.885.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã trả	30.567.056.000	61.173.378.000
Cổ tức cho năm 2015	30.567.056.000	15.288.378.000
Cổ tức cho năm 2014	-	45.885.000.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

22. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

22.4 Cổ phiếu

	Số cuối năm	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	15.295.000	15.295.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng		
Cổ phiếu phổ thông	15.295.000	15.295.000
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại (Cổ phiếu quỹ)		
Cổ phiếu phổ thông	11.472	6.622
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành		
Cổ phiếu phổ thông	15.283.528	15.288.378
Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/cổ phiếu (31 tháng 12 năm 2015: 10.000 đồng/cổ phiếu)

23. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Số cuối năm	Số đầu năm
Tài sản nhận giữ hộ bên thứ ba (VND)	762.740.055	762.740.055
Hàng hóa nhận giữ hộ bên thứ ba (VND) (*)	94.397.860.000	112.531.190.000
Ngoại tệ các loại:		
- Đô la Mỹ (USD)	12.437	47.556
- Euro (EUR)	1	1
- Nhân dân tệ (CNY)	97.473	100.997
- Kíp Lào (LAK)	1.000.000	1.000.000
Nợ khó đòi đã xử lý	3.300.578.518	3.300.578.518

(*) Đây là hàng hóa của Cục Trồng trọt thuộc Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn mà Công ty nhận giữ hộ theo Hợp đồng mua bán hạt giống lúa, ngô dự trữ quốc gia năm 2016 số 04 HĐMB/MBDTQG ngày 11 tháng 11 năm 2016 và Hợp đồng bảo quản hạt giống lúa, ngô dự trữ quốc gia năm 2016 số 04 HĐBQ/MBDTQG ngày 11 tháng 11 năm 2016.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

24. LỢI ÍCH CỦA CÁC CỔ ĐÔNG KHÔNG KIỂM SOÁT

	Đơn vị tính: VND	
	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	197.395.215.856	5.725.594.310
Lợi nhuận thuộc về cổ đông không kiểm soát trong năm	17.254.473.769	15.478.488.953
Cổ tức công bố	(12.493.847.000)	(17.766.063.000)
Sử dụng quỹ đầu tư phát triển	(4.875.494.426)	-
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	(1.578.748.678)	(948.879.136)
Ảnh hưởng của chi phí khấu hao do đánh giá lại giá trị hợp lý của tài sản	(782.456.836)	(565.965.275)
Thù lao Hội đồng Quản trị	(83.160.000)	(103.746.045)
Tăng do chuyển từ công ty liên kết thành công ty con	-	199.012.360.241
Giảm phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong NSC nắm giữ tại công ty con gián tiếp	-	(2.907.414.117)
Giảm do công ty mẹ mua thêm cổ phần tại công ty con hiện hữu	-	(529.160.075)
Số cuối năm	194.835.982.685	197.395.215.856

25. DOANH THU

25.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Đơn vị tính: VND	
	Năm nay	Năm trước
Tổng doanh thu	1.436.841.654.222	1.363.108.587.364
Trong đó:		
Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm	1.430.660.576.226	1.360.007.468.501
Doanh thu cung cấp dịch vụ	6.181.077.996	3.101.118.863
Các khoản giảm trừ doanh thu:	106.058.470.882	114.485.723.976
Chiết khấu thương mại	32.643.464.252	25.032.331.453
Hàng bán bị trả lại	70.929.619.110	88.510.481.423
Giảm giá hàng bán	2.485.387.520	942.911.100
Doanh thu thuần	1.330.783.183.340	1.248.622.863.388
Trong đó:		
Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm	1.324.602.105.344	1.245.521.744.525
Doanh thu cung cấp dịch vụ	6.181.077.996	3.101.118.863
Trong đó:		
Doanh thu từ bán hàng và cung cấp dịch vụ cho bên thứ ba	1.322.917.325.857	1.244.993.883.605
Doanh thu từ bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan (Thuyết minh số 32)	7.865.857.483	3.628.979.783

25.2 Doanh thu hoạt động tài chính

	Đơn vị tính: VND	
	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi	1.577.511.970	1.709.128.556
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái	3.072.466.966	1.012.127.670
Cổ tức được chia	2.094.165.500	2.947.527.600
Doanh thu tài chính khác	-	819.968
TỔNG CỘNG	6.744.144.436	5.669.603.794

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

26. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	Đơn vị tính: VND	
	Năm nay	Năm trước
Giá vốn của thành phẩm, hàng hóa đã bán và dịch vụ cung cấp	833.229.865.816	786.451.422.685
(Hoàn nhập dự phòng)/dự phòng giảm giá hàng tồn kho thuần	(1.512.032.807)	7.059.757.870
TỔNG CỘNG	831.717.833.009	793.511.180.555

27. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Đơn vị tính: VND	
	Năm nay	Năm trước
Lỗ do đánh giá lại cổ phần của SSC được Công ty nắm giữ trước ngày nắm quyền kiểm soát	-	15.884.948.396
Chi phí lãi vay	12.393.621.843	8.549.203.181
Chiết khấu thanh toán	6.872.210.671	4.496.406.610
Lỗ chênh lệch tỷ giá	317.317.200	1.425.055.093
Lỗ thanh lý chứng khoán kinh doanh	358.730.000	-
Hoàn nhập giảm giá đầu tư ngắn hạn	(1.504.006.100)	(53.333.200)
TỔNG CỘNG	18.437.873.614	30.302.280.080

28. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Đơn vị tính: VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí bán hàng	125.687.363.607	123.865.568.497
- Chi phí tiền lương, tiền công lao động	34.599.712.877	35.292.048.457
- Chi phí vận chuyển	34.370.687.181	29.463.457.325
- Chi phí khấu hao	7.181.063.248	8.783.449.558
- Chi phí bán hàng khác	49.535.900.301	50.326.613.157
Chi phí quản lý doanh nghiệp	148.638.915.165	142.100.088.577
- Chi phí tiền lương, tiền công lao động	76.907.795.168	72.211.508.992
- Phân bổ lợi thế thương mại trong năm	26.122.748.236	20.303.763.510
- Chi phí quản lý doanh nghiệp khác	45.608.371.761	49.584.816.075
TỔNG CỘNG	274.326.278.772	265.965.657.074

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

29. THU NHẬP KHÁC VÀ CHI PHÍ KHÁC

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Thu nhập khác	2.397.292.991	12.904.738.400
Nhận hỗ trợ từ quỹ VCBF	-	4.719.171.000
Thu nhập từ tiền bồi thường	398.145.455	4.489.361.886
Hoàn nhập lãi phải trả nhà nước	-	1.266.901.020
Thu nhập từ cho thuê kho	393.696.938	615.690.000
Lãi từ thanh lý tài sản cố định	127.807.272	205.990.909
Thu nhập khác	1.477.643.326	1.607.623.585
Chi phí khác	1.351.270.521	3.062.065.758
Lãi phạt chậm nộp thuế	363.622.473	1.872.125.460
Chi phí khác	987.648.048	1.189.940.298
GIÁ TRỊ THUẦN	1.046.022.470	9.842.672.642

30. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Chi phí nguyên vật liệu	919.744.274.487	996.208.808.576
Chi phí nhân công	146.654.973.805	136.059.269.122
Chi phí khấu hao và khấu trừ	58.307.734.929	40.526.572.636
Chi phí dịch vụ mua ngoài	60.052.824.090	68.786.599.018
Chi phí khác	23.735.560.641	7.866.476.784
TỔNG CỘNG	1.208.495.367.952	1.249.447.726.136

31. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Căn cứ vào Giấy chứng nhận số 03/DNKHCN do Sở Khoa học và Công nghệ Thành phố Hà Nội cấp ngày 1 tháng 3 năm 2011, Công ty được chấp thuận là Doanh nghiệp Khoa học và Công nghệ ("KH&CN"), và theo đó, Công ty được miễn, giảm thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") như doanh nghiệp thành lập mới từ dự án đầu tư thuộc lĩnh vực công nghệ cao, nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ từ khi có thu nhập chịu thuế với điều kiện: doanh thu của các sản phẩm, hàng hóa hình thành từ kết quả KH&CN trong năm thứ nhất từ 30% tổng doanh thu trở lên, năm thứ hai từ 50% tổng doanh thu trở lên và năm thứ ba trở đi từ 70% tổng doanh thu trở lên. Cụ thể:

- (i) Công ty được áp dụng mức thuế suất thuế TNDN là 10% trong 15 năm kể từ năm đầu tiên có doanh thu từ hoạt động KH&CN;
- (ii) Công ty được miễn thuế TNDN trong 4 (bốn) năm (từ năm 2011) và giảm 50% trong 9 (chín) năm tiếp theo; và
- (iii) Thuế suất đối với thu nhập từ hoạt động kinh doanh khác là 20%.

Thuế suất TNDN của các công ty con là 20% trên tổng thu nhập chịu thuế.

Các báo cáo thuế của Công ty và các công ty con sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

31. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

31.1 Chi phí thuế TNDN

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Chi phí thuế TNDN hiện hành	22.225.426.781	24.100.030.770
Điều chỉnh thuế TNDN trích thiếu/(thừa) năm trước	153.125.688	(680.768.020)
Thu nhập thuế TNDN hoãn lại	(747.545.775)	(2.121.806.242)
TỔNG CỘNG	<u>21.631.006.694</u>	<u>21.297.456.508</u>

Dưới đây là đối chiếu chi phí thuế TNDN và kết quả của lợi nhuận kế toán trước thuế nhân với thuế suất thuế TNDN:

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	<u>214.091.364.851</u>	<u>178.405.906.151</u>
Thuế TNDN theo thuế suất áp dụng cho Công ty và công ty con:		
- Hoạt động khoa học công nghệ: 5%	8.916.704.671	7.649.577.124
- Hoạt động khác: 20%	7.151.454.285	5.591.160.007
<i>Các khoản điều chỉnh tăng:</i>		
Chi phí phát sinh do đánh giá lại giá trị hợp lý của khoản mục đầu tư vào công ty liên kết	-	3.494.688.647
Hoàn nhập khoản dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	5.689.042	87.047.248
Điều chỉnh cho mục đích hợp nhất báo cáo tài chính	5.224.549.647	5.577.653.237
Các khoản chi phí không hợp lệ	258.918.853	631.096.107
Lỗi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	245.434	222.101
Điều chỉnh thuế TNDN trích thiếu trong những năm trước	153.125.686	-
Tăng khác	25.027.352	-
<i>Các khoản điều chỉnh giảm</i>		
Cổ tức nhận được	(104.708.276)	(147.376.380)
Lãi từ công ty liên kết	-	(890.974.488)
Điều chỉnh thuế TNDN trích thừa trong những năm trước	-	(680.768.020)
Giảm khác	-	(14.869.075)
Chi phí thuế TNDN	<u>21.631.006.694</u>	<u>21.297.456.508</u>

31.2 Thuế TNDN hiện hành

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của năm hiện tại. Thu nhập chịu thuế của Công ty và các công ty con khác với thu nhập được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các năm khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Công ty và các công ty con được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

31. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

31.3 Thuế TNDN hoãn lại

Công ty và các công ty con đã ghi nhận một số khoản thuế TNDN hoãn lại phải trả và tài sản thuế thu nhập hoãn lại và các biến động trong năm nay và năm trước như sau:

Đơn vị tính: VND

	<i>Bảng cân đối kế toán hợp nhất</i>		<i>Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất</i>	
	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2016</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2015</i>	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Tài sản thuế TNDN hoãn lại				
Chi phí phải trả	3.804.422.857	3.365.405.629	439.017.228	1.785.853.200
Dự phòng trợ cấp thôi việc	166.574.908	215.475.387	(48.900.479)	80.491.989
Lợi nhuận chưa thực hiện	182.238.133	74.706.047	107.532.086	74.706.047
Giao dịch bán tài sản nội bộ	20.662.573	20.662.573	-	-
	4.173.898.471	3.676.249.636	497.648.835	1.941.051.236
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả				
Chênh lệch do đánh giá lại tài sản của các công ty con tại ngày hợp nhất kinh doanh	33.856.784.045	34.106.680.985	249.896.940	180.755.006
	33.856.784.045	34.106.680.985	249.896.940	180.755.006
Thu nhập thuế thu nhập hoãn lại tính vào kết quả kinh doanh hợp nhất			747.545.775	2.121.806.242

32. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Các nghiệp vụ chủ yếu với các bên liên quan trong năm nay và năm trước như sau:

Đơn vị tính: VND

<i>Các bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nghiệp vụ</i>	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Công ty Cổ phần Tập đoàn PAN	Công ty mẹ (từ ngày 17 tháng 10 năm 2016 trở về trước)	Xuất bán hàng hóa, vật tư, thành phẩm Chi trả cổ tức Vay ngắn hạn Hoàn trả khoản vay ngắn hạn	58.434.400 22.932.567.000 - -	9.595.240 - 120.000.000.000 120.000.000.000
Công ty Cổ phần Thực phẩm PAN	Công ty cùng tập đoàn	Xuất bán hàng hóa, vật tư, thành phẩm Nhận ứng trước tiền hàng	7.807.423.083 -	3.619.384.543 790.000.000
Công ty Cổ phần PAN FARM	Công ty mẹ	Phải trả tiền tạm ứng cổ tức năm 2016	17.193.969.000	-

Các điều kiện và điều khoản của các giao dịch với các bên liên quan:

Công ty cho vay các bên liên quan, bán hàng cũng như mua hàng hóa, dịch vụ từ các bên liên quan trên cơ sở thỏa thuận theo hợp đồng.

311
 CỘI
 T
 'ST
 'IẾ'
 HI P
 HÀ
 'KIẾ'
 '

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

32. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Số dư các khoản phải thu, phải trả tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2016 không cần bảo đảm, không có lãi suất và sẽ được thanh toán bằng tiền. Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016, Công ty chưa trích lập bất cứ một khoản dự phòng nợ phải thu khó đòi nào liên quan đến số tiền các bên liên quan còn nợ Công ty (ngày 31 tháng 12 năm 2015: mức trích lập dự phòng bằng không). Việc đánh giá này được thực hiện cho mỗi năm thông qua việc kiểm tra tình hình tài chính của bên liên quan.

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và ngày 31 tháng 12 năm 2015, các khoản phải thu và phải trả khác với các bên liên quan như sau:

			<i>Đơn vị tính: VND</i>	
<i>Các bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nghiệp vụ</i>	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
<i>Phải thu ngắn hạn của khách hàng</i> (Thuyết minh số 7.1)				
Công ty Cổ phần Thực phẩm PAN	Công ty cùng tập đoàn	Bán hàng hóa	128.752.500	-
			<u>128.752.500</u>	<u>-</u>
<i>Phải trả ngắn hạn khác</i> (Thuyết minh số 20)				
Công ty Cổ phần PAN FARM	Công ty mẹ	Phải trả tiền tạm ứng cổ tức năm 2016	17.193.969.000	-
			<u>17.193.969.000</u>	<u>-</u>

Các giao dịch với các bên liên quan khác

Thu nhập của các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc:

			<i>Đơn vị tính: VND</i>	
			<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Lương và thưởng			11.662.577.805	8.536.588.922
			<u>11.662.577.805</u>	<u>8.536.588.922</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

33. LÃI TRÊN CỔ PHIẾU

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi trừ đi các yếu tố suy giảm) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho cổ tức của cổ phiếu ưu đãi có quyền chuyển đổi và khoản trích quỹ khen thưởng, phúc lợi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

Công ty sử dụng các thông tin sau để tính lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu.

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước (Trình bày lại)</i>
Lợi nhuận sau thuế TNDN	175.205.884.388	141.629.960.690
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi (*)	-	(17.385.511.472)
Lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của công ty mẹ	175.205.884.388	124.244.449.218
Bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông (không bao gồm cổ phiếu quỹ) để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	15.285.667	15.293.803
Bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông (không bao gồm cổ phiếu quỹ) được điều chỉnh để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	15.285.667	15.293.803
Lãi trên cổ phiếu		
- Lãi cơ bản	11.462	8.124
- Lãi suy giảm	11.462	8.124

Không có các giao dịch cổ phiếu phổ thông hoặc giao dịch cổ phiếu phổ thông tiềm năng nào xảy ra từ ngày kết thúc kỳ kế toán năm đến ngày hoàn thành báo cáo tài chính hợp nhất.

(*) Lợi nhuận dùng để tính lãi trên cổ phiếu cho năm 2015 đã được điều chỉnh giảm so với lợi nhuận dùng để tính lãi trên cổ phiếu đã được thuyết minh trong báo cáo tài chính hợp nhất cho năm 2015. Số điều chỉnh giảm tương ứng với khoản trích quỹ khen thưởng, phúc lợi từ công ty mẹ được trích lập từ lợi nhuận của năm 2015 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 19/NQ-ĐHĐCĐ2016 ngày 15 tháng 4 năm 2016.

Lợi nhuận dùng để tính lãi trên cổ phiếu cho năm 2016 chưa được điều chỉnh phân trích quỹ khen thưởng do chưa có Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông để trích lập quỹ từ nguồn lợi nhuận sau thuế năm nay.

34. THÔNG TIN THEO BỘ PHẬN

Hoạt động kinh doanh chủ yếu của Công ty và các công ty con là sản xuất, kinh doanh và cung cấp các sản phẩm và dịch vụ liên quan đến giống cây trồng. Bên cạnh đó, hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty và các công ty con được thực hiện trên lãnh thổ Việt Nam. Do vậy, Công ty và các công ty con không lập báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

35. CÁC CAM KẾT VÀ CÁC KHOẢN NỢ TIỀM TÀNG

Cam kết liên quan đến tiền thuê đất

Công ty và các công ty con hiện đang thuê đất theo hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản tiền thuê phải trả trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

	Đơn vị tính: VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Đến 1 năm	536.911.302	536.911.302
Trên 1 – 5 năm	2.147.645.208	2.147.645.208
Trên 5 năm	17.718.072.966	18.254.984.268
TỔNG CỘNG	20.402.629.476	20.939.540.778



36. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN NĂM

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra kể từ ngày kết thúc kỳ kế toán năm yêu cầu cần phải có các điều chỉnh hoặc thuyết minh trong báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con.

Người lập
Nguyễn Thị Như Quỳnh

Kế toán trưởng
Phan Thế Tý



Tổng Giám đốc
Trần Kim Liên

Ngày 27 tháng 3 năm 2017